

# Xy lanh tròn ESNU-2 1/2"- -P-A

Số bộ phận: 548471



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                               | Giá trị                                                       |
|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Hành trình                                             | 0.4 in...2 in                                                 |
| Ø pít tông                                             | 2 1/2"                                                        |
| Ren thanh pít tông                                     | 5/8-18 UNF-2A                                                 |
| Dựa trên tiêu chuẩn                                    | ISO 6431                                                      |
| Đệm                                                    | Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu                       |
| Vị trí lắp đặt                                         | bất kì                                                        |
| Đầu thanh piston                                       | Ren ngoài                                                     |
| Cấu trúc xây dựng                                      | Pít tông<br>Cần piston                                        |
| Phát hiện vị trí                                       | cho các công tắc gần                                          |
| Các biến thể                                           | thanh pít-tông một mặt                                        |
| Áp suất vận hành                                       | 0.1 MPA...1 MPA<br>1 bar...10 bar                             |
| Nguyên tắc vận hành                                    | tác động đơn lẻ                                               |
| Môi chất vận hành                                      | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                  | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                   | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                                          | VDMA24364-B1/B2-L                                             |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                         | -4 °F...176 °F                                                |
| Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối                   | 0.959 ft-lbf                                                  |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), lưuồng | 396 LBF                                                       |
| Khối lượng di chuyển ở hành trình 0 mm                 | 16.2 oz                                                       |
| Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 10 mm           | 0.882 oz                                                      |
| Kiểu gắn                                               | với phụ kiện                                                  |
| Cổng nối khí nén                                       | 3/8 NPT                                                       |
| Ghi chú vật liệu                                       | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Vật liệu phủ                                           | Hợp kim nhôm rèn                                              |
| Vật liệu của phốt                                      | NBR<br>TPE-U (PU)                                             |
| Vật liệu thanh piston                                  | thép không gỉ hợp kim cao                                     |
| Vật liệu vỏ xy lanh                                    | thép hợp kim không gỉ                                         |